**Phụ lục III.5**

**DỰ THẢO**

**LỘ TRÌNH QUẢN LÝ CÁC CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT THEO LĨNH VỰC ỨNG DỤNG**

| **STT** | **Lĩnh vực ứng dụng** | **Giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu cao nhất cho phép tại thời điểm áp dụng biện pháp quản lý (năm)** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2025** | **2029** | **2035** | **2040** | **2045** |
| 1 | Điều hòa không khí gia dụng |  | 750 | 750 | 750 | 150 |
| 2 | Bơm nhiệt sản xuất nước nóng |  | 1.500 | 1.500 | 750 | 150 |
| 3 | Máy sản xuất nước lạnh (Chiller) |  | 2.100 (HFC)  1.800 (HCFC) | 1.500 | 750 | 150 |
| 4 | Điều hòa không khí nguyên cụm, đa cụm (PAC/VRV/VRF) |  | 750 | 750 | 750 | 150 |
| 5 | Lạnh gia dụng (các thiết bị lạnh độc lập, được hàn kín tại nhà máy) |  | 3 | 3 | 3 | 3 |
| 6 | Lạnh thương mại |  | 1.800 | 1.500 | 750 | 150 |
| 7 | Lạnh công nghiệp |  | 1.800 | 750 | 750 | 150 |
| 8 | Lạnh vận tải |  | 2.100 | 1.500 | 750 | 150 |
| 9 | Điều hòa không khí di động |  | 1.500 | 750 | 750 | 3 |
| 10 | Dập lửa chống cháy | 4.000 | 4.000 | 4.000 | 4.000 | 3 |
| 11 | Sản xuất xốp cách nhiệt |  |  |  |  | 150 |